

# **NHỮNG THÁCH THỨC VỀ GIÁO HỌC PHÁP TRONG VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH NHƯ MỘT NGÔN NGỮ THỨ 2 ĐỐI VỚI THẾ KỶ 21** (The challenge of methology in tesol towards the 21<sup>st</sup> century)

Nhóm dịch giả:  
**TS. NGUYỄN ĐẮC TÂM**  
**THS. PHẠM GIA ĐOÀN**  
**LG. LÊ VĂN THÀI**

*Giảng dạy tiếng Anh trong trường đại học là một trong những vấn đề được trường ĐHDL Văn Lang quan tâm. Một số thay đổi quan trọng đã được áp dụng trong năm học 2005 – 2006. Nhận thấy đây vẫn là một vấn đề cần được trao đổi thảo luận thấu đáo và liên tục, nhóm các nhà quản lý và giảng dạy tiếng Anh đã lược dịch một tài liệu về phương pháp giảng dạy học phần này. Độc giả quan tâm và muốn tiếp cận tư liệu gốc có thể trao đổi trực tiếp với nhóm dịch giả.*

## **CÓ 9 PHƯƠNG PHÁP (KHẢO HƯỚNG) DẠY NGOẠI NGỮ TRONG THẾ KỶ 20**

1. Phương pháp ngữ pháp – phiên dịch
2. Phương pháp trực tiếp
3. Phương pháp đọc hiểu
4. Phương pháp nghe hiểu (Hoa Kỳ)
5. Phương pháp tình huống (Anh)
6. Phương pháp nhận thức
7. Phương pháp nhân văn
8. Phương pháp lĩnh hội qua các bài văn
9. Phương pháp giao tiếp

### **1. PHƯƠNG PHÁP NGỮ PHÁP VÀ PHIÊN DỊCH**

- a. GV sử dụng tiếng mẹ đẻ của học viên trong việc giảng dạy;
- b. Sử dụng một ít ngôn ngữ đang giảng dạy;
- c. Chú ý đến phân tích ngữ pháp, chẳng hạn thể và cách biến đổi từ;
- d. Đọc qua các bài văn cổ điển khó;
- e. Dịch mẫu các câu từ ngôn ngữ đang học ra tiếng mẹ đẻ;
- f. Với phương pháp này học viên ít

có khả năng giao tiếp;

- g. GV không cần nói được ngoại ngữ mình đang dạy.

### **2. PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP**

- a. GV không sử dụng tiếng mẹ đẻ của học viên (không cần thiết phải biết tiếng mẹ đẻ của học viên);
- b. Bài học là những câu đối thoại và những giai thoại được diễn đạt dưới hình thức đàm thoại hiện đại;
- c. Động tác và hình ảnh được sử dụng để làm rõ nghĩa;
- d. Ngữ pháp được hiểu một cách tự nhiên;
- e. Các tập đọc cốt để giải trí, không cần giải thích về ngữ pháp;
- f. Nền văn hóa của quốc gia có ngôn ngữ đang học cũng được hiểu biết một cách tự nhiên;
- g. GV phải là người bản xứ hoặc có khả năng sử dụng ngoại ngữ đang dạy như người bản xứ.

### **3. PHƯƠNG PHÁP ĐỌC HIỂU**

- a. Chỉ dạy những điểm văn phạm cần thiết để có thể lĩnh hội bài văn đang học;
- b. Chỉ dạy các từ vựng thông dụng

- và cần thiết trước, sau đó mới mở rộng ra;
- c. Đối với những lớp cao, dịch thuật là bắt buộc;
  - d. Nhấn mạnh đến phần kỹ năng đọc hiểu;
  - e. GV không cần giỏi về nói ngôn ngữ đang dạy.

#### 4. PHƯƠNG PHÁP NGHE HIỂU

- a. Lớp học được bắt đầu bằng bài đối thoại;
- b. Phương pháp lặp đi lặp lại và học thuộc lòng được áp dụng để tạo thành thói quen cho học viên;
- c. Ngữ pháp được phối hợp và các quy tắc được dạy một cách tự nhiên;
- d. Kỹ năng nghe, nói, đọc được khai thác, ngoại trừ phần viết;
- e. Phần luyện âm được chú trọng ngay từ đầu;
- f. Hạn chế từ vựng ở giai đoạn đầu;
- g. Cố gắng làm cho học viên đừng mắc các lỗi;
- h. Ngôn ngữ đang học được sử dụng thông thạo mà không cần lưu ý đến nghĩa và ngữ cảnh;
- i. GV cần thông suốt về cấu trúc câu, từ vựng v.v. vì tài liệu và hoạt động học tập được kiểm soát kỹ.

#### 5. PHƯƠNG PHÁP TÌNH HUỐNG

- a. Ngôn ngữ nói là chính yếu;
- b. Tất cả học viên được dạy kỹ năng nói trước khi học viết;
- c. Chỉ sử dụng ngôn ngữ đang dạy trong lớp học;
- d. Đảm bảo chắc chắn đã dạy rõ các từ vựng hữu ích và tổng quát;

- e. Ngữ pháp được dần nâng cao từ đơn giản đến phức tạp;
- f. Các bài học mới (cả từ vựng và ngữ pháp) cần được đặt vào những tình huống khác nhau (thí dụ như ở bưu điện, ngân hàng, tại bàn ăn).

#### 6. PHƯƠNG PHÁP NHẬN THỨC

- a. Học ngôn ngữ được xem như là một sự thử thách các quy tắc chứ không phải do thói quen;
- b. Sự giảng dạy được cá nhân hóa; học viên chịu trách nhiệm cho sự học của chính mình;
- c. Ngữ pháp được dạy nhưng cũng có thể thông qua phương pháp suy diễn (quy tắc trước, thực hành sau) hoặc quy nạp (học quy tắc ngay sau thực hành hoặc học viên tự rút ra một cách mặc nhiên);
- d. Không quá nhấn mạnh đến phần phát âm;
- e. Đọc và viết cũng quan trọng như phần nói và nghe;
- f. Từ vựng rất quan trọng đặc biệt các lớp trung cấp và cao cấp;
- g. Lỗi được xem là không tránh khỏi và sẽ được sửa chữa trong quá trình học;
- h. GV cần có sự hiểu biết sâu rộng về ngôn ngữ mình đang dạy và có khả năng phân tích chúng.

#### 7. PHƯƠNG PHÁP NHÂN VĂN

- a. Sự tôn trọng được nhấn mạnh đến từng cá nhân (từng học viên, thầy giáo) và cảm nghĩ của họ;
- b. Học viên cần chú trọng đến sự giao tiếp;
- c. Giao tiếp từng đôi hay từng nhóm nhỏ;
- d. Không khí trong lớp học quan trọng hơn giáo trình hay phương pháp;
- e. Sự hỗ trợ và tác động bình đẳng rất

- cần cho việc học tập;
- f. Việc học ngoại ngữ được xem như kinh nghiệm tự nhận thức;
- g. GV được xem như người tư vấn hoặc người tạo điều kiện cho học viên;
- h. GV cần có kiến thức về ngôn ngữ mình giảng dạy và ngôn ngữ cho học viên vì dịch thuật được sử dụng nhiều ở giai đoạn đầu và sau đó giảm dần.

#### 8. PHƯƠNG PHÁP LĨNH HỘI THÔNG QUA CÁC BÀI VĂN

- a. Kỹ năng nghe rất quan trọng, từ đó mới phát triển các kỹ năng khác như đọc và nói, còn kỹ năng viết sẽ được phát triển tự phát sau;
- b. Học viên nên bắt đầu bằng cách nghe các bài diễn văn hay trả lời các câu hỏi bằng cách viết trước khi tự sáng tạo bất cứ ngôn ngữ nào;
- c. Học viên cần phải nói một cách tự nhiên, thay vì bắt buộc;
- d. Sự tiến bộ của học viên chỉ thực hiện được khi được truyền đạt kiến thức đầy ý nghĩa, là bước đầu vượt khả năng của họ;
- e. Học quy tắc ngữ pháp có thể giúp học viên kiểm soát hoặc biết được họ đang làm gì, nhưng lại không giúp họ thủ đắc hoặc sử dụng tự nhiên ngôn ngữ đang học;
- f. Không cần thiết phải sửa các điểm lỗi, nhưng quan trọng là học viên có thể hiểu người khác và làm cho người khác hiểu mình. Nếu thầy giáo không phải là người chính

quốc có ngôn ngữ đang dạy, cần phải có băng nghe nhìn để truyền đạt kiến thức cho học viên.

#### 9. PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP

- a. Mục tiêu của việc giảng dạy là tạo cho học viên khả năng giao tiếp;
- b. Bài học không chỉ là cấu trúc ngôn ngữ, mà bao gồm các khái niệm về ngữ, nghĩa và chức năng xã hội nữa;
- c. Các học viên phải thường xuyên học nhóm hoặc đôi (nếu cần thì thảo luận) nhằm truyền đạt ý nghĩa trong các tình huống mà người này có thông tin, còn người kia thì thiếu;
- d. Học viên phải thường xuyên đóng vai hoặc kịch-hóa để điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ đang học trong các tình huống xã hội khác nhau;
- e. Các hoạt động và giáo trình trong lớp học phải xác thực nhằm phản ánh các tình huống và yêu cầu đời sống thực tế;
- f. Kỹ năng được làm hoàn hảo từ lúc đầu; một hoạt động nào đó có thể gồm cả đọc, nói, nghe và cả viết nữa (giả thiết rằng học viên là những người có giáo dục và biết chữ);
- g. Vai trò của thầy giáo chủ yếu là tạo thuận lợi cho sự truyền đạt giao tiếp và sửa các lỗi chỉ là thứ yếu;
- h. Thầy giáo nên có khả năng sử dụng lưu loát và thích ứng ngôn ngữ đang dạy.

**Nhóm dịch giả:**

***TS. Nguyễn Đắc Tâm - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị,  
P. Hiệu trưởng Trường ĐHDL Văn Lang  
ThS. Phạm Gia Đoàn, Phó Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ  
Trường ĐHDL Văn Lang  
LG. Lê Văn Thái, giảng viên***